



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

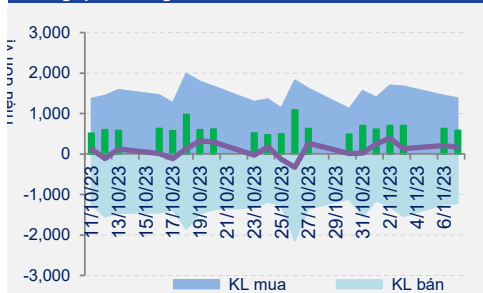
7/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

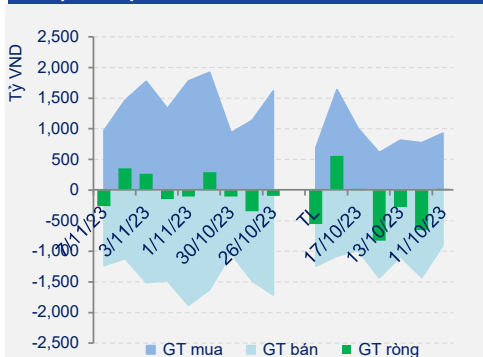
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,080.29	218.29
% Thay đổi	↓ -0.86%	↓ -0.59%
KLGD (CP)	578,748,597	98,101,602
GTGD (tỷ đồng)	12,572.18	1,765.01
Tổng cung (CP)	1,221,530,742	139,432,300
Tổng cầu (CP)	1,382,140,381	145,686,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,092,327	3,378,580
KL mua (CP)	35,863,693	6,528,600
GT mua (tỷ đồng)	971.39	115.38
GT bán (tỷ đồng)	1,235.37	59.20
GT ròng (tỷ đồng)	(263.98)	56.18

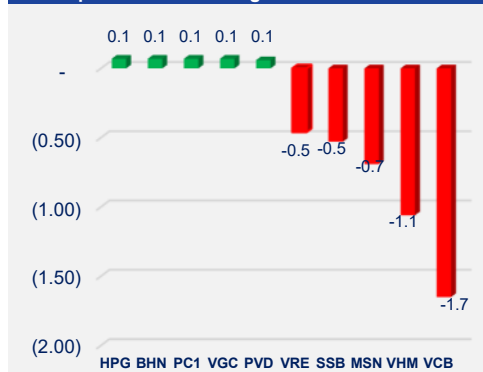
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 04 phiên tăng điểm liên tiếp, VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh quanh vùng giá 1.090 điểm, tương ứng đường giá trung bình MA2 phiên. VN-INDEX giảm ngay từ đầu phiên về vùng 1.080 điểm sau phục hồi lên vùng giá 1.090 điểm, thanh khoản thấp trong phiên sáng như ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí. Áp lực bán gia tăng về thanh khoản tăng mạnh hơn trong phiên chiều khiến cho kết phiên VN INDEX giảm 9,37 điểm (-0,86%) về mức 1.080,29 điểm. HNX-INDEX kết phiên giảm 1,30 điểm (-0,59%) về mức 218,29 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với 481 mã giảm giá (12 mã giảm sàn), 20 mã tăng giá (13 mã tăng trần) và 133 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 14.332.28 tỷ đồng, giảm 6,93% so với phiên trước, dưới mức trung bình, cho thấy thị trường chịu áp lực điều chỉnh nhưng mức độ điều chỉnh tương đối bình thường. Nhà đầu tư nước ngoài thu hẹp giao dịch, bán ròng trở lại với giá trị 263,75 tỷ đồng trên HOSE tập trung bán ròng ở nhóm cổ phiếu bán lẻ, bất động sản thương mại duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 56,18 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư giảm từ 7,8 triệu tài khoản cuối tháng 9/2023 xuống còn 7,45 triệu tài khoản tính đến cuối tháng 10/2023. Trong tháng 10/2023, nhà đầu tư mở mới 167.659 tài khoản chứng khoán và đóng 545.386 tài khoản trong đó có nhân trong nước đóng 545.326 tài khoản chứng khoán và tổ chức đóng 39 tài khoản. Trước đó, đầu tháng 10/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu Ủy ban chứng khoán Nhà nước kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để làm sạch dữ liệu người tham gia giao dịch chứng khoán, hoàn thành trong tháng 11/2023.

Thông tin trên đã ảnh hưởng đến tâm lý nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán khi nhóm này đa số chịu áp lực điều chỉnh trong phiên chiều sau 04 phiên tăng giá tốt, thanh khoản dưới mức trung bình như SSI (+2,24%), VND (-2,14%), HCM (-1,64%), VCI (-1,55%)... ngoài CT: (+0,87%), FTS (+0,14%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau phiên phục hồi tốt hầu hết cũng chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản ở mức trung bình với SSB (-3,56%), MSB (+3,01%), OCB (-2,20%), EIB (-1,67%), STB (-1,53%)... ngoại trừ LPI (+0,65%) tăng giá nhẹ với thanh khoản thấp. Các cổ phiếu bất động sản sau phiên phục hồi tốt cũng chịu áp lực điều chỉnh tương tự khi thị trường chung gặp vùng kháng cự mạnh tương ứng đường giá trung bình MA2 phiên, đa số điều chỉnh nhẹ, thanh khoản thấp như NHA (-2,82%), QCC (-2,82%), LDG (-2,49%), DXG (-2,47%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ với NBB (+0,99%), NTL (+0,85%), SJS (+0,81%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu dầu khí lại có diễn biến khá tích cực, nổi bật trong thị trường, đa số tăng giá tốt, thanh khoản cải thiện với PVI (+9,95%), PVC (+6,57%), CNG (+3,30%), PVP (+2,25%), PVI (+1,74%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 giảm 10,6 điểm (-0,96% chênh lệch dương 2,69 điểm so với VN30, khối lượng giảm 8,25% so với phiên trước, khối lượng mở OI tăng, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên tiếp tục giảm, có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,0 điểm đến -7,01 điểm, thể hiện các trader kỳ vọng thị trường sẽ hồi phục ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn hơn

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



VN-Index điều chỉnh khi tiệm cận vùng giá MA20 (1.090 điểm) với thanh khoản suy giảm. Chốt phiên giao dịch VnIndex giảm 9,37 điểm (-0,86%) và đóng cửa tại 1.080,29 điểm. Đà hồi phục tiếp tục được duy trì mạnh mẽ bằng phiên tăng điểm mạnh đầu tuần, Như đã phân tích trong các bản tin trước, thị trường trong ngắn hạn vẫn đang trong nhịp hồi phục sau khi VN-Index giảm mạnh về vùng đáy từ đầu năm 2023 (quanh 1.020 điểm) và phiên hôm nay chưa làm ảnh hưởng tới xu hướng này. Thị trường hoàn toàn có khả năng quay lại đà hồi phục trong các phiên tới để hướng đến ngưỡng cân tại 1.100 điểm. Tuy nhiên do đây chỉ là sự phục hồi mang tính kỹ thuật trong quá trình tìm kiếm khu vực cân bằng mới nên rủi ro VnIndex giảm điểm trở lại hoàn toàn có thể xảy ra và khó dự báo. Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với trạng thái hồi phục tích cực chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy lại có khả năng trong vùng điểm số 1.100 điểm - 1.150 điểm, trong trường hợp xấu hơn thì khả năng tích lũy vẫn có thể trên 1.000 điểm. Thị trường trong ngắn hạn có thể tiếp tục rung lắc tại vùng giá 1.075 điểm – 1.090 điểm và chưa rõ ràng về mặt xu hướng vì vậy nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng an toàn và tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường trong các phiên tới. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và chờ đợi thị trường tích lũy ổn định trở lại trước khi xem xét các cơ hội giải ngân thêm. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PHR	44.65	43-45	57-59	43	6.8	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	18.70	15-16	24-25	17.5	16.9	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	28.50	25-26.5	31-32	24	15.1	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	29.60	25-27	30-31	22	9.7	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	35.60	30-32	36-37	29	19.3	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	31.85	26-28	32-33	24	6.8	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	25.80	22-23.5	27-28	20	80.1	-16.5%	213.0%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	24.30	21-22	27-28	20	8.3	9.5%	-8.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thé	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	30.8	25.9	35-37	30	18.9%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	28.5	25.8	31-32	27	10.5%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	23.5	22.3	26-27	22	5.4%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	20.7	18.6	26-27	19.5	11.3%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	61.1	52	65-67	57	17.5%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	28.8	26.8	30-31	27.5	7.5%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

**Gần 3.900 tỷ đồng phát triển hành lang
đường thủy, logistics phía Nam**

Bộ Giao thông vận tải vừa phê duyệt dự án “Phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam” với tổng mức đầu tư gần 3.900 tỷ đồng. Dự án nhằm cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, giảm tắc nghẽn, tai nạn, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy thông qua việc cải tạo, nâng cấp hành lang vận tải Đông - Tây kết nối khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cải tạo hành lang vận tải Bắc - Nam kết nối khu vực Đông Nam bộ với cụm cảng Cái Mép - Thị Vải.

**Cần 400.000 tỷ hiện thực hóa quy
hoạch cảng hàng không**

Bộ trưởng GTVT Nguyễn Văn Thắng cho biết, theo quy hoạch giai đoạn 2021-2030, để phát triển cảng hàng không cần tới 400.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, nguồn lực của ACV chỉ đáp ứng được khoảng 60%. Do đó, để triển khai các cảng hàng không cần nguồn lực rất lớn từ xã hội hóa.



TIN DOANH NGHIỆP

3 công ty quản lý quỹ rót 2.450 tỷ đồng vào đợt chào bán riêng lẻ của Vietjet

Vietjet công bố danh sách 03 nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu VJC trong đợt phát hành này, gồm: CTCP Quản lý quỹ Leadvisor (mua 13,5 triệu cổ phiếu), CTCP Quản lý Quỹ Amber (mua 7,2 triệu cổ phiếu), và công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (mua 3,8 triệu cổ phiếu). Dự kiến Vietjet sẽ chi 1.715 tỷ đồng để thanh toán tiền đặt cọc mua tàu bay và 735 tỷ đồng thanh toán tiền cho các đơn vị cho thuê tàu bay.

PLC điều chỉnh giảm 30% kế hoạch lãi sau thuế 2023

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP vừa công bố tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. So với kế hoạch cũ, PLC giảm 6% doanh thu tiêu thụ về 8.396 tỷ đồng mặc dù chỉ tiêu sản lượng vẫn được giữ nguyên. Theo đó, lợi nhuận sau thuế giảm 30% còn 112 tỷ đồng.

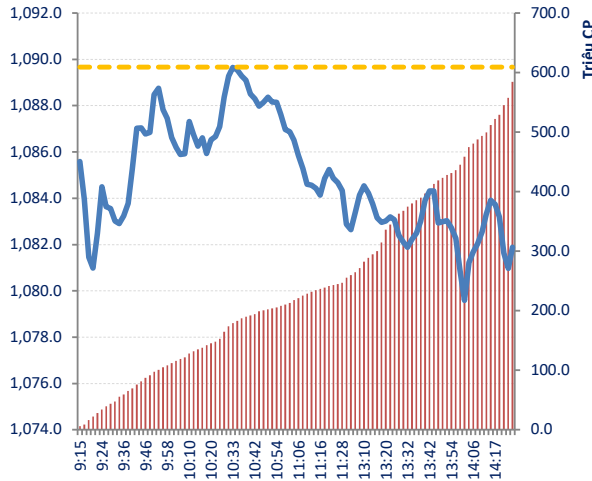
PDR dự kiến thu về 1.297 tỷ từ thương vụ chuyển nhượng nội bộ công ty con

Theo đó, PDR sẽ chuyển nhượng toàn bộ 99,8 triệu cp của KCN Phát Đạt, tương đương 99,8% vốn điều lệ. Bên nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH Phát Đạt Holdings. Giá chuyển nhượng sẽ không thấp hơn 130% mệnh giá, tương đương giá trị tối thiểu của thương vụ vào khoảng hơn 1.297 tỷ đồng.

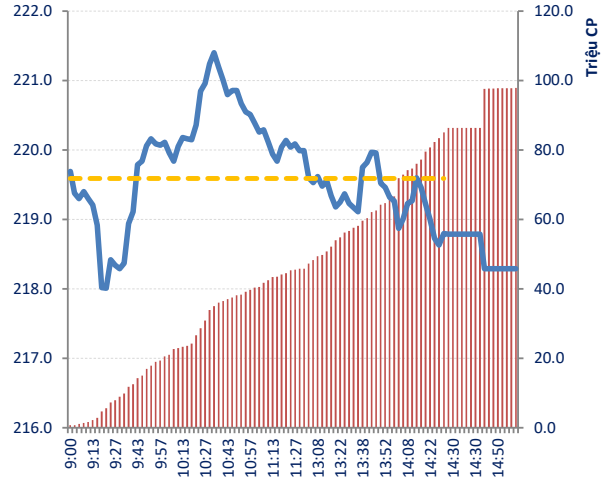


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

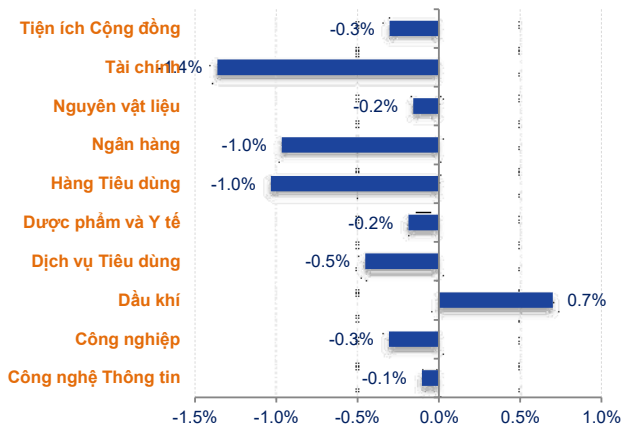
KLGD và VN-Index trong phiên



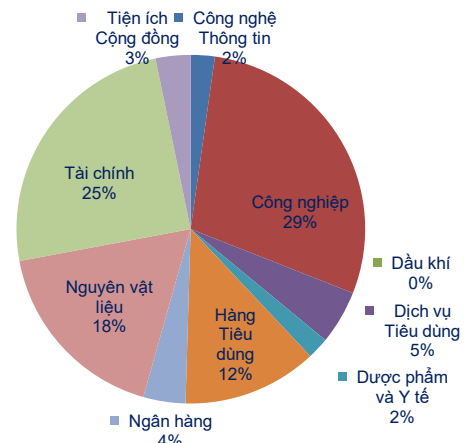
KLGD và HNX-Index trong phiên



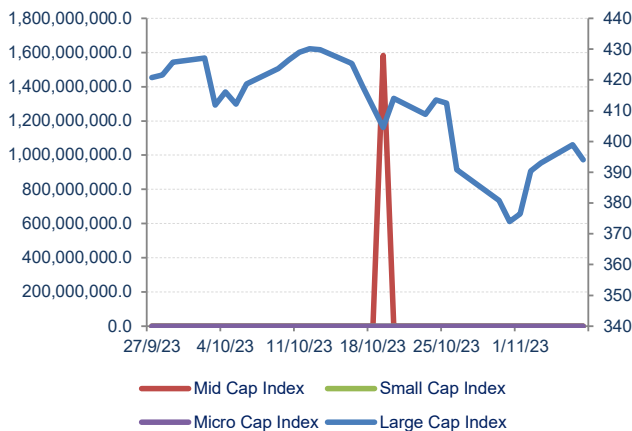
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



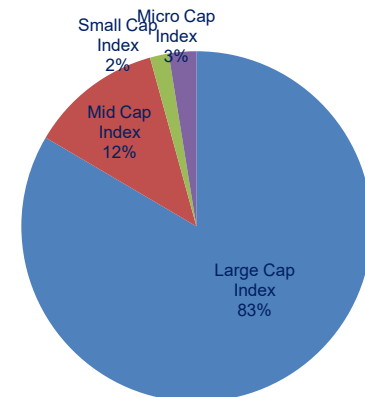
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	3,695,489	VRE	3,946,956
2	VND	1,589,600	FUESSVFL	3,427,000
3	PC1	738,500	MWG	3,137,112
4	STB	600,300	HDB	1,890,650
5	DGC	459,930	OCB	1,537,777

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	2,889,800	MBS	49,170
2	IDC	138,200	BVS	32,300
3	CEO	107,100	TIG	28,100
4	PVS	47,300	NVB	15,200
5	PLC	28,400	VCS	11,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	13.85	13.65	↓ -1.44%	30,597,900
VND	18.70	18.30	↓ -2.14%	22,330,900
HDB	18.25	18.00	↓ -1.37%	20,906,800
HPG	25.75	25.80	↑ 0.19%	19,881,700
SSI	29.00	28.35	↓ -2.24%	19,074,801

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	16.00	15.90	↓ -0.62%	40,579,567
CEO	22.20	21.80	↓ -1.80%	11,215,293
HUT	18.90	18.20	↓ -3.70%	7,052,649
PVS	35.00	35.60	↑ 1.71%	5,472,335
MBS	18.70	18.70	⇒ 0.00%	4,015,935

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	27.10	28.95	1.85	↑ 6.83%
SCD	15.20	16.20	1.00	↑ 6.58%
SFC	18.50	19.70	1.20	↑ 6.49%
MDG	13.90	14.80	0.90	↑ 6.47%
FDC	10.95	11.65	0.70	↑ 6.39%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTH	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
SDG	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
PVB	19.10	21.00	1.90	↑ 9.95%
VTC	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
HCT	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRC	29.40	27.35	-2.05	↓ -6.97%
PDN	113.70	105.80	-7.90	↓ -6.95%
ABR	17.40	16.20	-1.20	↓ -6.90%
DTA	6.30	5.87	-0.43	↓ -6.83%
SJF	2.08	1.94	-0.14	↓ -6.73%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	25.10	22.60	-2.50	↓ -9.96%
TJC	17.10	15.40	-1.70	↓ -9.94%
DAE	17.20	15.50	-1.70	↓ -9.88%
PGT	3.20	2.90	-0.30	↓ -9.38%
VCM	18.40	16.70	-1.70	↓ -9.24%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	30,597,900	8.2%	1,005	13.8	1.1
VND	22,330,900	7.8%	957	19.5	1.4
HDB	20,906,800	20.7%	2,926	6.2	1.2
HPG	19,881,700	1.9%	322	80.0	1.5
SSI	19,074,801	8.9%	1,346	21.5	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	40,579,567	5.4%	643	24.9	1.3
CEO	11,215,293	6.7%	955	23.3	1.8
HUT	7,052,649	0.8%	122	155.2	1.5
PVS	5,472,335	6.7%	1,846	19.0	1.2
MBS	4,015,935	10.4%	1,104	16.9	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLW	↑ 6.8%	22.0%	4,328	6.3	1.3
SCD	↑ 6.6%	-109.7%	(10,203)	-	3.8
SFC	↑ 6.5%	17.2%	2,712	6.8	1.1
MDG	↑ 6.5%	8.2%	1,338	10.4	0.9
FDC	↑ 6.4%	-44.5%	(5,135)	-	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTH	↑ 10.0%	1.1%	122	32.7	0.4
SDG	↑ 10.0%	1.3%	593	42.2	0.6
PVB	↑ 9.9%	-5.6%	(930)	-	1.2
VTC	↑ 9.9%	-13.5%	(2,268)	-	0.7
HCT	↑ 9.9%	-0.5%	(101)	-	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	3,695,489	1.9%	322	80.0	1.5
VND	1,589,600	7.8%	957	19.5	1.4
PC1	738,500	3.6%	936	28.5	1.0
STB	600,300	17.5%	3,825	7.7	1.3
DGC	459,930	29.7%	9,010	9.8	2.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,889,800	5.4%	643	24.9	1.3
IDC	138,200	17.0%	3,177	14.3	2.7
CEO	107,100	6.7%	955	23.3	1.8
PVS	47,300	6.7%	1,846	19.0	1.2
PLC	28,400	8.2%	1,287	22.4	1.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	22.6%	6,013	14.9	3.1
BID	211,446	17.6%	3,887	10.8	1.8
GAS	181,442	19.0%	5,283	15.0	2.9
VHM	178,529	25.0%	9,468	4.3	1.0
VPB	165,026	9.7%	1,519	13.7	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	16,868	0.8%	122	155.2	1.5
PVS	16,729	6.7%	1,846	19.0	1.2
IDC	14,982	17.0%	3,177	14.3	2.7
THD	13,898	2.9%	460	78.5	2.3
SHS	13,011	5.4%	643	24.9	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	2.76	-0.6%	(47)	-	0.9
QCG	2.67	-0.2%	(32)	-	0.7
VPG	2.50	-0.5%	(97)	-	0.8
VIX	2.46	8.2%	1,005	13.8	1.1
FCN	2.45	1.1%	232	55.7	0.6

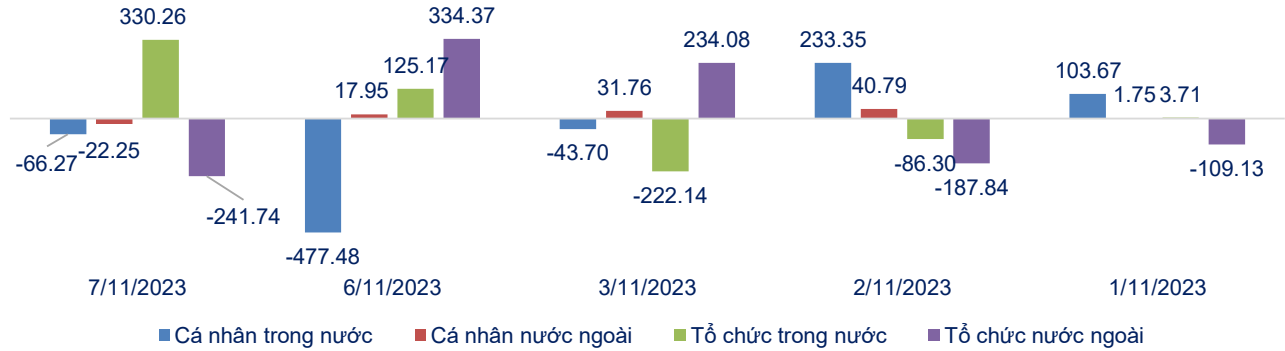
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.51	0.8%	122	155.2	1.5
VC2	2.51	2.2%	303	30.7	0.7
VC7	2.48	6.2%	682	19.3	1.2
EVS	2.41	5.9%	688	11.2	0.7
SHS	2.36	5.4%	643	24.9	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	73.25	7.6%	1,892	15.1	1.1
MWG	45.99	3.0%	476	80.0	2.4
VRE	33.42	11.8%	1,818	13.2	1.5
MSN	32.31	2.2%	572	111.8	2.4
SSI	26.14	8.9%	1,346	21.5	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-65.49	1.9%	322	80.0	1.5
GMD	-39.11	25.9%	7,606	8.7	2.1
HDB	-33.72	20.7%	2,926	6.2	1.2
VND	-27.19	7.8%	957	19.5	1.4
STB	-21.49	17.5%	3,825	7.7	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	2.40	11.4%	2,926	8.2	0.9
ORS	1.55	6.5%	782	19.9	1.3
VHM	1.21	25.0%	9,468	4.3	1.0
CNG	0.86	18.1%	2,909	9.4	1.7
VPB	0.62	9.7%	1,519	13.7	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-13.73	22.4%	4,290	4.2	1.0
HPG	-7.90	1.9%	322	80.0	1.5
FPT	-2.98	22.3%	4,815	18.4	4.0
VRE	-2.25	11.8%	1,818	13.2	1.5
VCI	-1.97	5.7%	911	42.5	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	75.69	3.0%	476	80.0	2.4
HDB	68.20	20.7%	2,926	6.2	1.2
VRE	60.74	11.8%	1,818	13.2	1.5
FUESSVFL	59.56	N/A	N/A	N/A	N/A
GMD	31.05	25.9%	7,606	8.7	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-83.87	7.6%	1,892	15.1	1.1
HPG	-29.63	1.9%	322	80.0	1.5
DGC	-21.41	29.7%	9,010	9.8	2.7
SSI	-15.65	8.9%	1,346	21.5	1.9
SBT	-10.43	4.9%	675	21.2	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

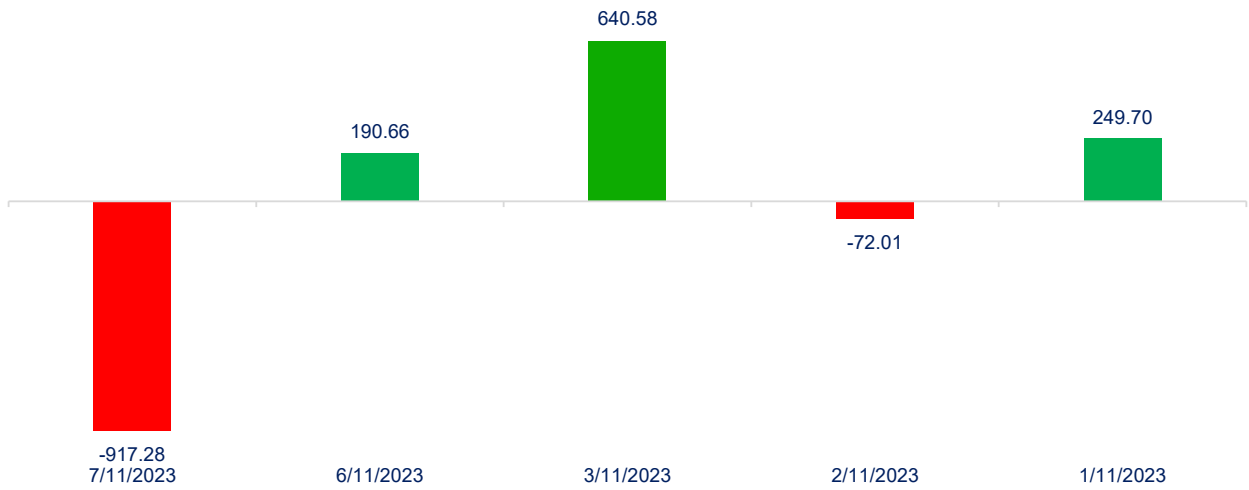
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	103.02	1.9%	322	80.0	1.5
DGC	40.88	29.7%	9,010	9.8	2.7
VND	29.68	7.8%	957	19.5	1.4
PC1	20.37	3.6%	936	28.5	1.0
STB	17.36	17.5%	3,825	7.7	1.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

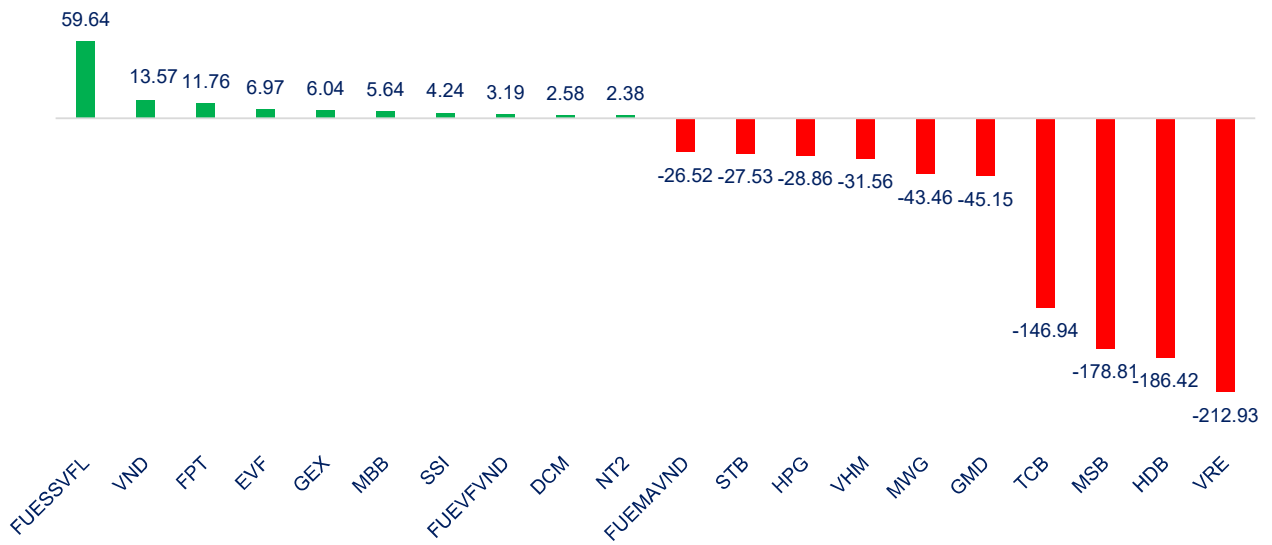
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-121.96	3.0%	476	80.0	2.4
VRE	-91.92	11.8%	1,818	13.2	1.5
FUESSVFL	-59.92	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	-34.54	20.7%	2,926	6.2	1.2
MSN	-34.25	2.2%	572	111.8	2.4



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn